

BIỂU TƯỢNG NƯỚC TRONG TIỂU THUYẾT VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN 2000

PHAN THÚY HẰNG

Trường Đại học Khánh Hoà

Email: phanthuyhang@ukh.edu.vn.com

Tóm tắt: Đối với văn học, có nhiều con đường khác nhau để giải mã tác phẩm, trong đó làm rõ các tầng ý nghĩa của các biểu tượng trong tác phẩm là một hướng đi thú vị. Khảo sát tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều biểu tượng, trong đó biểu tượng *nước* chứa đựng rất nhiều hàm nghĩa khác nhau về con người và cuộc sống. Trong bài viết này, biểu tượng *nước* vừa mang ý nghĩa thanh lọc và xoa dịu nỗi đau của con người, là biểu tượng của sự tái sinh, đồng thời nó còn là biểu tượng của sự tàn phá và hủy diệt. Với nhiều biến thể khác nhau, *nước* vừa lưu giữ những cơ tầng văn hoá của dân tộc, vừa có khả năng trở thành những biểu tượng và những cô mẫu văn chương mới, chứa đựng những hàm nghĩa mới của văn hoá đương đại.

Từ khóa: Biểu tượng, biểu tượng *nước*, tiểu thuyết Việt Nam

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Biểu tượng là những hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng - hình ảnh mà ta nhìn thấy, chấp nhận theo quy ước, để biểu thị một tồn tại vật chất hay tinh thần nào đó, hay một hình ảnh làm dấu hiệu để phân biệt giữa vật này, người này, trạng thái này với vật khác, người khác, trạng thái khác... Biểu tượng biểu đạt ý nghĩa bằng dấu hiệu. Nhưng theo Jean Chevalier, biểu tượng là một khái niệm đầy năng động và gợi cảm, không chỉ vừa biểu hiện, vừa che đậy theo một cách nào đó, mà còn vừa thiết lập, vừa tháo dỡ... tác động lên cấu trúc tinh thần của con người. Như vậy, biểu tượng được tồn tại trên cơ sở niềm tin, cảm xúc và quy ước, dù chia ra hay kết hợp lại, biểu tượng vẫn tiềm tàng những ý nghĩa nhất định. Biểu tượng gắn liền với cô mẫu (archetype, prototype). Cô mẫu (archetype), là “khái niệm dùng để chỉ những mẫu của các biểu tượng, các cấu trúc tinh thần bẩm sinh, trong tưởng tượng của con người, chứa đựng trong vô thức tập thể của cộng đồng nhân loại; vô thức tập thể này là một yếu tố đặc trưng cho tất cả các vô thức cá nhân” [7, tr.972]. Như vậy, cô mẫu trước hết cũng là biểu tượng nhưng có sức khái quát cao hơn biểu tượng, là những mẫu của các biểu tượng. Các mẫu gốc là những hình ảnh hoặc ý niệm đầu tiên nguyên khởi được di truyền từ thế hệ nọ sang thế hệ kia. Theo Jung các mẫu gốc là “những yếu tố cấu trúc của tâm thần con người được ẩn giấu trong “vô thức tập thể. Các mẫu gốc là một tập hợp có giới hạn, nội dung của chúng ẩn chứa trong các nghi lễ cổ xưa, các thần thoại, các tượng trưng, các tín ngưỡng, các hành vi tâm lí và cả trong sáng tác nghệ thuật từ xa xưa đến hiện tại” [7, tr.201]. Đối với văn học, biểu tượng cô mẫu đã mở ra khả năng vô tận trong việc khám phá, nhận thức thế giới xung quanh và con người đặc biệt là chiều sâu vô thức, bản năng. Vì thế hành trình đến với những chân trời của biểu tượng trong văn học là hành trình khám phá con đường trở về cội nguồn văn hoá, đồng thời cũng là cuộc hành trình nhận thức của nhân loại.

Một trong những yếu tố đặc biệt quan trọng làm nên sức hấp dẫn của tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000 chính là biểu tượng và ngôn ngữ xây dựng biểu tượng. Trong quá trình tìm hiểu tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000, chúng tôi nhận thấy các nhà văn đã sử dụng nhiều biểu tượng cổ mẫu, bên cạnh những cổ mẫu như Đất, Lửa, Trăng... thì cổ mẫu Nước cũng xuất hiện với tần suất khá nhiều, như một biểu trưng cho đời sống tinh thần của người Việt từ xưa đến nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Theo *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, biểu tượng nước có ba ý nghĩa cơ bản, nước vừa là nguồn sống, vừa là phương tiện thanh tẩy, là trung tâm tái sinh, đồng thời cũng lại cho rằng nó có một ý nghĩa đối lập khác, nước vừa là nguồn sống, vừa là nguồn chết, vừa là nơi tái sinh, vừa là nơi tiêu hủy. “Nước là khối vật chất chưa phân hóa, là hình tượng của số lượng vô cùng lớn những khả năng diễn biến, chứa đựng toàn bộ cái tiềm tàng, cái phi hình, cái mầm mống của mọi mầm mống, tất cả mọi hứa hẹn về sự phát triển, nhưng cũng chứa đựng mọi mối đe dọa bị tiêu tan. Đắm mình trong nước để rồi lại đi ra mà không tự hòa tan hết vào trong đó, trừ khi do một cái chết tượng trưng, đó là trở về cội nguồn, tự tiếp nguồn cho mình trong một kho dự trữ tiềm năng rộng mênh mông và lấy ở đó một sức mạnh mới: là một bước thoái lui và tan rã nhất thời, tạo tiền đề cho một bước tiến lên để tái thống hợp và tái sinh” [1, tr.709]. Nước được xem là một thực thể khởi nguyên làm nên thiên giới và nhân giới. Nước nuôi sống con người, cỏ cây, muông thú. Nước có mặt trong những thần thoại, truyền thuyết. Nước chảy tràn vào văn hóa. Và nước đi vào những tác phẩm văn học làm thành biểu tượng. Trong tiểu thuyết từ 1986 đến 2000, biểu tượng Nước biến hình, tồn tại dưới nhiều dạng thức khác nhau như sông, suối, ao, đầm, mưa, sương. Việt Nam là đất nước gắn liền với nền nông nghiệp lúa nước. Ngay từ thuở hồng hoang, Rồng - vị thần thiêng liêng của nước được xem là đối tượng vô cùng tôn kính. Rồng là Cha của tất cả, hay nói cách khác, từ nước mà có con người. Trong tín ngưỡng dân gian cũng có tục thờ Mẫu Thoải - người mẹ của các nguồn nước. Trong cổ tích, nước thiêng ở suối tiên có thể khiến con người trở nên xinh đẹp (*Ai mua hành tôi*)... cho đến những hình ảnh sông, ao, mưa, sương... xuất hiện trong văn học trung đại và tuôn chảy với hàng loạt những biến thể khác nhau ở văn học hiện đại. Tuy nhiên, với người Việt Nam, nước cũng là đối tượng của sự sợ hãi. Nước có thể là một vị thần phá hoại mùa màng (qua hình ảnh Thủy Tinh), nước cũng có thể làm chết người (qua biến thể nước sôi trong *Tám Cám*). Nỗi sợ hãi nước đi đôi với niềm tôn kính ăn sâu vào tâm thức cộng đồng, tạo nên những vị thần sông mà con người hàng năm phải thờ cúng, gọi là thần Hà Bá. Trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000, biểu tượng *Nước* được các nhà văn sử dụng với các biến thể như, Ao, Hồ, Sông, Suối Đầm, Mưa... với những hàm ý nghệ thuật khác nhau về son người và cuộc sống.

2.2. Trước hết, biểu tượng *Nước mang ý nghĩa gột rửa, thanh lọc và xoa dịu nỗi đau* của con người. Trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986, cổ mẫu Nước xuất hiện nhiều, như một ám gọi từ những huyền tích, trầm tích văn hóa ngàn đời của dân tộc. Trong tiểu thuyết *Người đi vắng* của Nguyễn Bình Phương, dòng sông Linh Nham linh thiêng đầu phải lúc nào cũng chỉ biết sáng khoái nhún chìm, cuốn vào lòng những kiếp người bất hạnh, dòng

sông ấy cũng hiền hòa, dịu dàng qua lời bộc bạch của chính nó: “ta yêu tiếng la hét của thằng bé đó và cố giữ mình thật trong khi nó sắp ra... [9, tr. 43]. Đoạn độc thoại của dòng sông ngay sau đó hé lộ một bí mật mà có lẽ không ai khác ngoài Sinh và dòng Linh Nham được biết. Dòng sông do vậy trở thành vị bảo hộ lẽ phải, là niềm an ủi, vỗ về. Chính vì thế, thấu hiểu được nỗi khổ đau của chị Nhu, dòng sông thương cảm mà đón người con gái bất hạnh với vẻ ân cần, nghĩa tình: “Nước rẽ ra sau đó khép lại như một giấc ngủ vĩnh viễn” [8, tr.160]. Không chỉ ám gợi từ biểu tượng, *Người đi vắng*, ngay cái tiêu đề đó đã nói rất nhiều. Cô đơn, vô hình, bí ẩn, khoảng trống. Tiểu thuyết này là một trong những khởi điểm của dòng chảy Nguyễn Bình Phương vào thế giới vô thức, mộng mị, hồng hoang. Trong tiểu thuyết *Đêm thánh nhân* của Nguyễn Đình Chính, những giọt nước mắt được chất chiu từ cuộc sống khôn khổ, thiệt thòi của bác sĩ Cần và Thương Oi đã xoa dịu và hoá giải mọi tội lỗi, mặc cảm, hóa giải tất cả những oán hận của người đã mất: “Cô gái Thương Oi khóc như mưa gió khiến tâm hồn ông bác sĩ bỗng tràn ngập một thứ tình cảm mới lạ lùng. Thế rồi tới lượt ông bác sĩ Cần cũng òa lên khóc nức nở... Ba ngày hôm sau khu nghĩa trang có chôn ngôi mộ ông y sĩ Nguyễn Văn Sự bay sạch mùi thối khắm. Bảy ngày sau thì những vạt cỏ chết héo cháy đen đã tươi tốt trở lại đua nhau trở mầm non xanh mơn mớn... Môi trường ở góc nghĩa trang này đã được thanh lọc trở lại bình thường” [2, tr.216]. Tiểu thuyết là một sự ám ảnh về những con người cùng khổ đói rách. Là khao khát của nhà văn về sự đổi thay của xã hội và con người “trong nhiều đêm nằm ngủ tôi lại mơ thấy họ được phong thánh. Vâng, đúng như vậy. Có thể trong giấc mơ của tôi, thánh chỉ là những người nghèo khổ, khốn nạn, thua thiệt”. Biểu tượng Nước trong *Lời nguyện hai trăm năm* được thể hiện thông qua hình tượng Biển. Biển vừa tượng trưng cho sức mạnh thiên nhiên, luôn thử thách ý chí của con người, vừa tượng trưng cho lòng bao dung và sự vị tha. Đặc biệt, biển có một tình cảm đặc biệt với Hai Thìn, người mà dân Biển Cát gọi với cái tên thân thương là “vua biển”. Dường như biển hiểu được nỗi niềm của Hai Thìn khi gánh trên vai lời nguyện về dòng họ và cuộc đấu tranh của anh để hóa giải lời nguyện ấy. Còn với Hai Thìn, biển như một người bạn tâm giao, biết lắng nghe và san sẻ với những trăn trở của anh về gia đình, về quê hương: “Về và sống chết với biển thôi... Ở đó, anh sẽ vùng vẫy thật thỏa thích lần gặp lại Biển cả sau một năm xa cách” [10, tr.376]. Biển có thể trừng phạt những kẻ như Năm Mộc, Tài Nguyễn, Sáu Thế nhưng với lòng vị tha biển đã rửa trôi tất cả và trả họ trở về thay vì nhấn chìm họ. Cũng trong tác phẩm này, nhân vật Tòng Út muốn phá bỏ lời nguyện của bà Cả Mọi đã quyết định ra khơi cùng Hai Thìn. Mặc dù phải đánh đổi bằng cái chết nhưng cả Hai Thìn lẫn Tòng Út đã gột rửa và thanh tẩy hết những lỗi lầm trong quá khứ của Tòng Mật cũng như lời nguyện mà dòng họ Hai Thìn phải gánh chịu hai trăm năm qua. Tiểu thuyết kết thúc, để lại dư âm trong lòng người đọc không ở sự đau thương bởi cái chết của nhân vật chính mà chính là thông điệp cuộc sống không tồn tại lời nguyện nào cả, con người có thể vượt qua mọi trở ngại bằng ý chí và sức mạnh của cá nhân. Trong *Thiên sứ* của Phạm Thị Hoài, Nước lại mang ý nghĩa biểu tượng cho sự trong sạch, thiêng liêng, có thể “tẩy rửa” mọi tội lỗi hay những đen tối trong tâm hồn mỗi con người. Trong tác phẩm, bé Hoài đã “tẩy rửa” tất cả tội lỗi của mình 5 giờ đồng hồ nơi nhà tắm công cộng để “trút kinh nguyệt một lần cho mãi mãi, vắt bỏ, cạn kiệt, tẩy sạch mọi khả năng thành 1 người đàn bà như tất cả những người đàn bà, 1 kẻ trưởng thành như tất cả những kẻ trưởng thành trên thế gian”

[3] để được mãi mãi là cô bé 14 tuổi, không muốn lớn lên như một thái độ phản kháng khước từ bởi quá thất vọng trước thực tại xã hội xã hội tẻ nhạt, xơ cứng mà tình yêu thương là một điều xa xỉ. Hình ảnh này gợi nhắc đến nghi thức “rửa tội” trong các huyền thoại về tín ngưỡng tôn giáo. Cùng mang ý nghĩa thanh tẩy và xoa dịu nỗi đau khổ của con người, hồ “mắt tiên” - một biến thể khác của biểu tượng Nước, tồn tại giữa cánh đồng làng Đông (*Bến không chông*) gắn với câu chuyện từ “ngày xưa ngày xưa” về một cô gái tên Ngàn đẹp nhất làng Đông bị bố mẹ ép gả cho người mình không yêu. Đêm tân hôn cô đã ra hồ nước giữa đồng tự vẫn. Từ đó “nước hồ tự nhiên trong vắt quanh năm” [5, tr.20]. Không ai biết câu chuyện đó có thực hay không nhưng từ đó trở đi “đàn bà con gái làng Đông có nỗi oan khuất đều trốn ra hồ nước tắm để được giải oan” [5, tr.20]. Từ một câu chuyện từ xa xưa song Hồ “mắt tiên” đã đi vào đời sống tâm linh của người làng Đông như một chứng nhân của việc hóa giải oan khuất cho con người, đặc biệt là người phụ nữ. Tiểu thuyết là bức tranh buồn thê lương ở một vùng quê thời hậu chiến, song vẫn ẩn chứa đâu đó những ánh sáng le lói của tâm linh, yếu tố làm xoa dịu những đắng cay trong số phận mỗi con người.

2.3. Cùng với cảm quan mang ý nghĩa tích cực ấy, *Nước còn là biểu tượng của sự tái sinh, là nguồn sống dồi dào cho con người.* Là một biến thể của Nước, Biển trong *Đêm thánh nhân* đã cuốn cha Tạc và cô gái Thương Oi dạt vào đảo Kinh, nơi mà họ sẽ được thanh lọc, hóa giải. “Cô gái Thương Oi chỉ ngồi lặng lẽ mỉm cười, cũng giống như cha Tạc sau mấy ngày nổi chìm trôi dạt theo dòng hải lưu nước nóng rồi tấp vào hòn đảo Kinh sống cuộc đời vô tư ngơ ngác chẳng hề biết ngạc nhiên như đời sống cây cỏ lạc vào chốn bồng lai hoan lạc miên man ngán ngủ” [2, tr.721]. Để rồi cha Tạc đi theo tiếng gọi của Chúa, còn cô gái Thương Oi rơi vào “hố đen tâm linh” [2, tr.726], trở thành những mảnh thiên sứ bay khắp bốn phương trời. Biển trong *Lời nguyện hai trăm năm*, vừa mang ý nghĩa là sự thanh tẩy, vừa mang ý nghĩa hủy diệt. Song bên cạnh đó Biển còn là nguồn sống của ngư dân, biển mang tặng cho họ những sản vật giàu có từ biển cả: “Những ngày biển động đã qua, ngày nào biển cũng trả lại cho những người vợ, những đứa con, tôm tươi ngon, đây hàm chứa trong thuyền. Biển, đôi lúc trở thành kẻ thù của con người, nhưng thường hơn, biển là bạn của họ” [10, tr.801]. Biển còn là người bạn tri âm tri kỉ của con người, chia sẻ những khổ khăn thử thách với người dân làng Biển Cát, đặc biệt vị “vua biển Hai Thìn: “Thật bất ngờ, Biển cả đã chữa lành bệnh cho Hai Thìn qua những ngày anh đi biển cùng ngư dân” [10, tr.808], “Bốn mươi bảy tuổi, Hai Thìn là triệu phú. Biển cả vẫn tặng cho anh những chuyến đi biển về đầy cá quý” [10, tr.808]. Mặc dù có những lúc Biển nổi giận, trừng phạt những tội lỗi của con người nhưng sâu xa Biển vẫn hào phóng giành cho người đi biển những gì tốt đẹp nhất, ban tặng xứng đáng công sức mà con người bỏ ra trong quá trình chinh phục biển cả. Cùng với Biển và Mưa, Sông cũng là một biến thể của Nước. Bước vào làng Đông trong *Bến không chông*, người đọc lập tức bị thu hút như đang bước vào một bức tranh thủy mặc với phong cảnh vô cùng hữu tình “À ơi... chẳng to cũng gọi đình Đông/Có cầu đá bạc bắc qua sông Đình/Chàng ơi có nhớ đến mình/Nhớ cầu Đá bạc nhớ đình làng Đông” [5, tr.18]. Trung tâm của bức tranh ấy chính là dòng sông Đình, được ví như một con rồng uốn lượn ôm lấy làng Đông. Dòng sông như một vật linh thiêng, chở che và nuôi sống con người “Nước sông như dòng sữa

mẹ làm tươi tốt đất và người làng Đông” [5, tr.19]. Bên dòng sông ấy có “Bến không chồng” hay còn gọi là “bến Tinh”, là nơi diễn ra nhiều sinh hoạt mang đặc trưng văn hóa làng quê Việt “Chiều đến, những đứa trẻ trần truồng, mặt đen nhẻm nghễu nghện trên lưng trâu phi ào xuống nước... Những ông già để trần dất tay cháu ra bến, những ông bố nhông nhông công kênh con trẻ trên vai. Rồi những chàng trai cô gái từ cánh đồng quần áo lấm lem cũng bỏ nhào ra bến lặn ngụp một hồi cho đã rồi mới lột quần áo ra vỗ bồm bộp trên mặt nước. Gió hây hây, nước chảy nhẹ vòn da thịt như có một bàn tay vô hình mơn trớn, khiến ta quên hết nỗi cực nhọc, đau buồn” [5, tr.22]. Như vậy, có thể thấy dòng sông đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của người dân từ bao đời. Nó góp phần làm cho cuộc sống con người thêm no đủ, mùa màng tốt tươi, là trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng và sâu xa hơn dòng sông đã trở thành một nét văn hóa không thể thiếu trong mỗi làng quê Việt.

2.4. Bên cạnh đó, biểu tượng Nước còn mang ý nghĩa hủy diệt, tàn phá. Điều này khiến chúng ta liên tưởng đến truyền thuyết *Sơn Tinh Thủy Tinh*. “Trong nỗi đau của mình qua nhân vật Thủy Tinh, Biển không còn trong mình cái tinh thần của Mẹ Nước trước đây: là mạch sống của Đất. Huyền thoại Sơn Tinh Thủy Tinh nói với chúng ta rằng Biển đã ly khai, và trở thành biểu tượng của kẻ phá hoại không một mảy mảy đất loài người” [11]. Đến với văn học hiện đại, đặc biệt tiểu thuyết sau Đổi mới, ý nghĩa mang tính hủy diệt tồn tại trong rất nhiều biến thể của biểu tượng Nước. *Mưa và Biển* trong *Nỗi buồn chiến tranh*, *Lời nguyện hai trăm năm* là một ví dụ. Có thể nói, cùng với bóng đêm, mưa là biểu tượng tràn ngập trong tác phẩm: “núi non nhạt nhòa” [6, tr.6]; “mưa ngày này qua ngày khác. Cuộc chiến có vẻ như bị vùi lấp trong biển mệnh mông, mù mịt mùa mưa”, “Bồn bề mìn mịt chỉ một màu mưa trĩu lòng, một màu núi màu rừng âm đạm và khắc khổ” [6, tr.16]; “mưa không to mà đều đều, âm âm, buồn thảm” [6, tr.17]; “mưa như thác đổ” [6, tr.31]; “mưa rơi rào rào” [6, tr.35]. Mưa ở đây càng khiến cho cuộc chiến trở nên khó khăn bội phần. Cuộc sống của người lính thêm phần khắc khổ. Với riêng Kiên, mưa đã trở thành biểu tượng cho đời sống tâm hồn nặng nề và đầy bấn loạn. Chiến tranh qua đi nhưng những kí ức về nó mãi ám ảnh người lính thời hậu chiến. Và mưa là hiện tượng ám ảnh nặng nề nhất. Đúng như nhận xét của Đỗ Đức Hiểu, Bảo Ninh đã “sáng tạo một vũ trụ mới của cuộc chiến, vũ trụ chìm trong mưa và mưa là biểu tượng khủng khiếp của chiến tranh” [4, tr.275]. Cũng nằm trong cảm quan về chiến tranh, Biển trở thành biểu tượng mang ý nghĩa dự báo cho những khủng khiếp của chiến tranh đang chờ đợi Kiên và Phương phía trước. Biển gắn với tuổi mười sáu của Kiên và Phương “Một kỉ niệm thân yêu nhưng sao mà xa xôi và buồn” [6[6], tr.203]. Từ buổi cắm trại hơn hai mươi năm trước, trước biển Phương đã có một dự cảm không tốt về tương lai “Biển làm sao ấy, sợ sợ thế nào. Kiên có nhận thấy không?” [6[6], tr.205]. Rồi Phương hát, cả giai điệu và lời bài hát chứa đựng cả niềm say mê lẫn nỗi buồn đau trước thời cuộc, những ước mơ nồng cháy và cả những tiên cảm xót đau về một lớp thanh niên sinh ra để dành cho cuộc chiến tranh bắt đầu từ hôm ấy. “Chiến tranh! Chiến tranh! Ấy chính là tiếng gầm của biển trong suốt đêm mông mông bốn rạng mông năm tháng tám. Bãi cát dài hình vòng cung âm âm sóng xô” [6, tr.206]. Dường như biển cũng cảm nhận được thời khắc của lịch sử đang đến, báo hiệu một sự chia xa, mất mát và nhiều hi sinh. Cùng với biểu tượng Nước, *Nỗi buồn chiến*

tranh còn chứa đựng trong nó nhiều biểu tượng đầy ám ảnh về bóng đêm, cây hồng ma, trướng Gội Hồn... Đây cũng có thể xem là cuốn tiểu thuyết hay nhất về đề tài chiến tranh và số phận người lính thời hậu chiến trong dòng tiểu thuyết Việt Nam sau 1986. *Mưa* trong *Lời nguyện hai trăm năm* mang ý nghĩa như là một thứ vũ khí của Biển cả và Thần rừng. Mối thù của họ bắt nguồn từ việc Mặt trời muốn kén chồng cho con gái là Mặt Trăng. Mặt trời vừa ưng Thần rừng vừa thích Biển cả, nên đã quyết định để cả hai giao đấu. Cát là vũ khí của Biển, đá là vũ khí của Thần rừng. Cuộc giao chiến bất phân thắng bại nên đến giờ Mặt Trăng vẫn cô đơn. Từ đó có thêm câu chuyện “Người dân tộc là con cháu Thần rừng, bị cấm không được đi biển. Ai cãi lại, thì hoặc Biển cả sẽ bắt làm tù binh, hoặc Thần rừng bắt về đất liền để trừng trị” [10, tr.747]. Ngoài những vũ khí là Cát và Đá thì Mưa là một vũ khí để hỗ trợ cho cuộc chiến không có hồi chấm dứt ấy. Mưa từ Biển cả chắn lối ngăn cản bà Cả trên đường đi tìm Tài Nguyễn để đòi quyền lợi cho người dân tộc: “Bà Cả Mọi đội mưa đi về rừng. Mưa rơi không ngớt hạt. Con mưa kéo vào đất liền từ ngoài khơi, là cơn mưa của biển cả. Biển cả muốn gây chiến với Thần rừng của bà” [10, tr.783-784]. Nhưng Thần rừng cũng không vừa, liền tuyên chiến với Biển cả: “Lần này là mưa rừng ào kéo ra khơi. Mây đen kịt bầu trời. Cứ như sau lần biển động trước, do biển cả gây chiến, mà lần này thần rừng nổi giận trả thù. Mưa như trút nước cả ngày trời” [10, tr.788]. Cuộc chiến bất phân thắng bại giữa Thần rừng và Biển cả bao năm qua vẫn không có hồi kết, dân làng chài lẫn người của đồng bào dân tộc luôn là những người phải gánh chịu những hậu quả nặng nề từ mối thù ấy: “Người đi biển gặp nạn do cuộc chiến giữa Thần rừng và biển cả” [10[10], tr.791]. Một biến thể khác của Nước là Sông. Sông Linh Nham trong tiểu thuyết *Những đứa trẻ chết già* được nhìn nhận là một dòng sông thiêng, khi thì “làm lì chuyên động” [8, tr.26], lúc lại “rì rầm ai oán” [8, tr.39]. Nhưng cũng có khi được miêu tả “đục ngàu như mắt trâu điên”. Sông thiêng gọi ai là người ấy chết. Ở đây, chúng ta có thể thấy sự liên hệ giữa nước với cái chết. Con trai cả lão Liêm chết đuối dưới ao, Quân mất tích được thầy bói phán gần nước, Tuyết cũng trôi đi trong cái hủ hê, sáng khoái của dòng nước ác. Dường như nó hiểu được những sự việc đang xảy ra ở làng Phan, nơi con người sinh ra chỉ là để dần hắt, đè nén, bức bách gặm ghè, thôn tính, ăn thịt lẫn nhau. Câu chuyện chủ yếu ở làng Phan xoay quanh đại gia đình Trường hấp và nhân vật ông Trình. Tất cả đều hướng tới một kho báu bí ẩn sẽ được mở khi sao chổi, con Nghê và ba cái chết đến cùng một lúc. Nhưng cuối cùng những điều họ theo đuổi không có thực. Suốt cuộc đời họ đã thực hiện những cuộc hành trình cuối cùng chỉ để kết liễu, thanh toán, trả nợ nhau. Vào thời khắc ấy, dòng sông Linh Nham dường như linh cảm được những những điều hệ trọng sắp xảy ra, nó cũng mang những cảm xúc như những người trong cuộc: “Gió mạnh dần sau đó thốc tháo, cây cối ngã rạp xuống. Bầu trời nghiêng bên nọ ngậy bên kia. Nước sông Linh Nham bốc khói ngùn ngụt, sóng vỗ vào chân cầu oàm oạp” [8, tr.268]. Con Nghê chết, cuộc tử chiến của hai cha con lão Liêm và ông Trình bắt đầu. “Dòng Linh Nham chuyển thành đỏ hồng, gió vẫn âm âm nổi lên từng đợt” [8[8], tr.271]. Tiểu thuyết khắc họa cuộc đời của những con người có cảnh sống éo le, đồng thời đặt ra câu hỏi dường như không bao giờ cũ về sự tồn tại, cái hữu hạn của đời người trong thời gian vô hạn. Văn phong đậm chất Việt, nhưng không thiếu những phẩm chất chung của các tác phẩm văn chương thế giới, kết hợp tài tình giữa cái huyền ảo hoang đường và hiện thực trần trụi, *Những đứa trẻ chết già* thực sự là một

tác phẩm xuất sắc trong dòng tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

Biểu tượng nước còn xuất hiện trong rất nhiều tiểu thuyết sau năm 2000 như *Thoạt kì thủy* (Nguyễn Bình Phương), một cuốn tiểu thuyết được xem là giàu biểu tượng nhất. Đặc biệt Nước ở đó cũng đã thể hiện cao nhất, rõ nhất sứ mệnh, sức mạnh vỗ về, an ủi, tái sinh sự sống cho vạn vật, muôn loài. Đồng thời cũng mang ý nghĩa đấu tranh và hủy diệt. Biểu tượng Nước cũng tràn đầy trong những trang tiểu thuyết *Giàn thiên* của Võ Thị Hảo. Đó là dòng sông, chứng nhân cho tình yêu của đôi trai tài gái sắc Nhuệ Anh và Từ Lộ. Nhưng nó cũng biến thành sự hủy diệt khi cuốn trôi Nhuệ Anh đang tràn đầy đau khổ xuống đáy vực. Đồng thời lại mang ý nghĩa tái sinh khi đẻ chàng Cá Bơn cứu sống. Là những giọt nước mắt của sư bà Nhuệ Anh đã làm cho vua Thần Tông thức tỉnh. Trong *Cõi người rung chuông tận thế* của Hồ Anh Thái, biểu tượng Nước còn xuất hiện dưới dạng biến thể Biển và nước mắt. Biển mang ý nghĩa trừng phạt cái ác và nước mắt góp phần gột rửa, thanh tẩy tất cả những thù hận của Mai Trùng. Kết thúc hành trình hai mươi sáu năm đi trừng phạt cái ác, Mai Trùng đã quý khóc trước mộ cha mẹ. Những giọt nước mắt rửa trôi quá khứ để bắt đầu được làm một con người bình thường, được sống và được yêu.

3. KẾT LUẬN

Có thể thấy, biểu tượng Nước trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 mang trong lòng nó nhiều biến thể cùng nhiều tầng ý nghĩa khác nhau về sự tái sinh, thanh tẩy và hủy diệt. Mỗi biến thể ấy đến lượt nó, vừa lưu giữ những cơ tầng văn hoá của dân tộc, lại vừa có lại có khả năng trở thành những biểu tượng và những cổ mẫu văn chương mới, mang những hàm nghĩa mới của văn hoá đương đại, để sự tái sinh của nó mở đến vô tận, luôn mời gọi những giải mã từ bạn đọc. Các nhà nghiên cứu gọi đó là hệ hình cổ mẫu Nước. Những cổ mẫu con này vừa dung chứa những nét chung của cổ mẫu mẹ Nước trong văn hóa truyền thống Việt Nam và nhận loại vừa hình thành những nét riêng của văn học sau 1986 và văn hóa đương đại. Cùng với những biểu tượng như Đất, Lửa, Trăng... biểu tượng Nước trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 đã khẳng định được vị trí của mình trong đời sống cũng như trong văn học, từ dân gian cho đến hiện đại. Nó mở ra khả năng vô tận trong việc khám phá, nhận thức về con người và thế giới xung quanh. Đồng thời cổ mẫu Nước cũng cho thấy khả năng kiến tạo hiện thực mới của nó, khả năng lưu giữ và sáng tạo văn hoá độc đáo mà những giá trị khác khó có thể sánh kịp. “Nghệ sĩ không thể khép kín tác phẩm hay dính nó vào một phẩm tính cụ thể nào, mà tác phẩm luôn tiếp diễn trong đời sống, vừa giống vừa khác với chính nó, tùy thuộc vào những kiến giải trong đọc hiểu văn bản có đuôi bắt kịp tư duy sáng tạo của nhà văn hay không” [13; tr 60].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Jean Chavalier - Alain Gheerbrant (1997). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng, Trường Viết văn Nguyễn Du.
- [2] Nguyễn Đình Chính (2008). *Đêm thánh nhân*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [3] Phạm Thị Hoài (2006). *Thiên sứ*, nguồn:
<http://vnthuquan.org/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nqn0nmn0n31n343tq83a3q3m3237n2n>.

- [4] Đỗ Đức Hiểu (1994). *Đổi mới phê bình văn học*, NXB Khoa học Xã hội, Mũi Cà Mau.
- [5] Dương Hương (2015). *Bến Không Chông*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
- [6] Bảo Ninh (2007). *Nỗi buồn chiến tranh*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [7] Nhiều tác giả (2005). *Từ điển văn học*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Bình Phương (2013). *Những đứa trẻ chết già*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
- [9] Nguyễn Bình Phương (2013). *Người đi vắng*, NXB Tổng hợp, TP Hồ Chí Minh.
- [10] Nhiều tác giả (2009). *Văn học Việt Nam thế kỉ XX (Tiểu thuyết 1975 - 2000)*, Quyển Một, Tập XV. *Lời nguyện hai trăm năm*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Thị Thanh Xuân (2009). Đi tìm cổ mẫu trong văn học Việt Nam, nguồn: <http://khoavanhocngonngu.edu.vn>, 12/5/2017.
- [12] Hoang Thi Hue, Hoang Thi Hong Ha (2006). *Acculturation in Vietnamese Contemporary Literature*, International Journal of Communication and Media Studies, USA, Vol. 6, Issue 3, June 2016.
- [13] Hoàng Thị Huế (2013). Biểu tượng mang tâm thức Mẫu trong *Đội gạo lên chùa* của Nguyễn Xuân Khánh, *Tạp chí Lý luận Phê bình văn học, nghệ thuật*, Bộ Văn hóa - Thông tin và Du lịch, Hà Nội, 1/2013, tr. 54-60.

Title: THE SYMBOL “WATER” IN VIETNAMESE NOVELS FROM 1986 TO 2000

Abstract: For literature, there are many different ways to explain the work, in which clarifying the meaning of the symbols in the work is an interesting direction. Surveying Vietnamese novels from 1986 to 2000, we find that there are many symbols in which the *water* symbol contains a lot of different meanings about people and life. In this article, the *water* symbol is meant to purify and alleviate human pain, the symbol of rebirth, and it is also the symbol of destruction and destruction. With many different variations, *water* symbol also hold the cultural foundations of the nation, as well as the ability to become new symbols and prototypes. Contains the new meanings of contemporary culture.

Keywords: Symbol, symbol “water”, Vietnam novels.